

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2021/HS-ST
Ngày 10 - 6 - 2021

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Ông Nguyễn Văn Đảm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 166/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Công S, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số 17/7C, khu phố Đ, phường Tân Đông H, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công D, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Xuân Đ, sinh năm 1961; bị cáo có vợ bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1984 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1966; trú tại: Số 97/53/5 đường Huỳnh V, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Xuân Đ, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 17/7C, khu phố Đ, phường Tân Đông H, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Ông Bùi Công D, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 17/7C, khu phố Đ, phường Tân Đông H, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1984; nơi cư trú: 20A khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

4. Ông Mai Văn D; sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn S Thường 2, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Số 16/23, khu phố Bình Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp 3A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

6. Ông Trần Xuân L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp 2A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Dương Trùng D, sinh năm 1994; Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị G, sinh năm 1995; Vắng mặt.

3. Ông Bùi Công Đ, sinh năm 1994; Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 21/8/2020 Bùi Công S điều khiển xe mô tô hiệu Novo màu xanh không gắn biển số (S khai biển số đã bị rút trước đó nên S bỏ vào cốp xe) đi đến nhà người quen. Khi lưu thông trên đường số 22/12 thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, S nhìn thấy ông Trịnh Văn H đang đứng bán vé số trước tiệm bánh kem B, địa chỉ số 1/97B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chân trái của ông H bị tật teo nhỏ nên phải chống nạng để đi lại, nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt vé số của ông H. Thực hiện ý định S dừng xe lại hỏi mua vé số thì ông H đưa 01 cọc vé số để S lựa số. S nói ông H đi đến chỗ có bóng râm cho khỏi nắng để S lựa số, ông H vừa bước đi thì ngay tức khắc S tăng ga điều khiển xe mô tô cầm theo cọc vé số của ông H bỏ chạy tẩu thoát, ông H tri hô cướp nhưng do chân tật và chống nạng nên ông H không đuổi theo S được. Sau khi bỏ chạy, S đi về nhà ở số 17/7C, khu phố Đ, phường Tân Đông H, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày S lấy vé số chiếm đoạt được của ông H ra dò và đếm được 85 tờ loại vé 10.000 đồng (mười nghìn đồng), sau khi dò nhưng không trúng nên S đã bỏ vào thùng rác phía sau nhà S (sau đó xe rác đến chở đi xử lý nên 85 tờ vé số không thu giữ được).

Qua xác minh điều tra, ngày 08/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An tiến hành bắt khẩn cấp đối với Bùi Công S. Đến ngày 17/9/2020 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với S về tội Cướp giật tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ biên bản định giá và kết luận định giá tài sản ngày 15/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thuận An, kết luận: 85 tờ vé số loại 10.000 đồng, có trị giá 850.000 đồng (tám trăm, năm mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 159/CT-VKSTA ngày 18/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Bùi Công S về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo là người có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Công S mức án tù 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Novo màu xanh không gắn biển số mà bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, qua điều tra xác định xe Novo màu xanh-trắng, có biển số là: 60B5-28553, số khung: RLCN1DB10DY137156, số máy 1DB1-137171 do ông Phạm Văn Chương đứng tên chủ sở hữu. Ông C bán xe này cho ông Trần Xuân L. Ông L bán xe này cho ông Lưu Ngọc M (không xác định được nhân thân lai lịch). Ngày 08/8/2020 bị cáo S mua xe máy này tại cửa hàng xe máy Anh Thư, địa chỉ số 16/23, khu phố Bình Đường 1, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Mai Văn D làm chủ với giá 13.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Sau khi sự việc phạm tội xảy ra S đã bán lại xe này cho ông Mai Văn D tại cửa hàng xe máy Anh T với giá 10.000.000 đồng S đã tiêu xài hết. Việc mua bán giữa ông Duẩn và bị cáo thì ông Duẩn không biết xe này là phương tiện bị cáo S sử dụng vào việc phạm tội. Cùng ngày, ông D bán lại xe máy cho ông Trịnh Duy T; nơi cư trú: Xã Công L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa với giá 12.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của ông T nên không thu giữ được xe mô tô trên nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Quá trình tố tụng bị hại ông Trịnh Văn H thống nhất nội dung bản cáo trạng, đã nhận số tiền bồi thường của gia đình bị hại 2.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình nên xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để có điều kiện làm lại cuộc đời.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Xuân Đ, ông Bùi Công D trình bày: Bà Đ, ông D là cha mẹ ruột của bị cáo S, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo có nhờ bà Đ bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Bà Đ đã trực tiếp hỏi thăm và bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền này. Ngoài ra, gia đình cũng đã thăm hỏi, động viên ông H để an ủi phần nào sự sai trái của bị cáo đối với ông H. Bị cáo S bị bệnh đau đầu, mất ngủ thường xuyên phải uống thuốc có chỉ định của Bác sỹ nên đôi lúc không làm chủ được bản thân nên bà Đ, ông D mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huyền Thơ trình bày: Bà Thơ là vợ của bị cáo S. Bị cáo S bị bệnh trầm cảm, tự kỷ rất ít nói chuyện và hay bị đau đầu. Sự việc xảy ra bà Thơ không biết chỉ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Công S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 21/8/2020 trước tiệm bánh kem B, địa chỉ số 1/97B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Bùi Công S đã dừng xe hỏi mua vé số của bị hại Trịnh Văn H. Sau khi bị hại giao cho bị cáo 85 tờ vé số có giá trị 850.000 đồng, thấy bị hại H là người khuyết tật, chân trái bị tật teo nhỏ nên không có khả năng tự vệ, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt vé số của bị hại, bị cáo cầm toàn bộ vé số điều khiển xe mô tô nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo cướp giật 85 tờ vé số của bị hại Trịnh Văn H là người khuyết tật, không có khả năng tự vệ, đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự .

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo về tội Cướp giật tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa

phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi cướp giật tài sản, đặc biệt cướp giật tài sản của người không có khả năng tự vệ là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, nên bị cáo cố ý phạm tội. Tuy nhiên, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất bộc phát nhất thời, phát sinh khi bị hại đã đưa cho bị cáo tập vé số nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ người thân bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo là người có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Xuân Đ đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bà Đ không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Novo màu xanh không gắn biển số, bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, qua điều tra xác định xe Novo màu xanh-trắng, có biển số là: 60B5-28553, số khung: RLCN1DB10DY137156, số máy 1DB1-137171 do ông Phạm Văn C đứng tên chủ sở hữu. Ông C bán xe này cho ông Trần Xuân L. Ông L bán xe này cho ông Lưu Ngọc M (không xác định được nhân thân lai lịch). Ngày 08/8/2020 bị cáo S mua xe máy này tại cửa hàng xe máy A, địa chỉ số 16/23, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Mai Văn D làm chủ với giá 13.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Sau khi sự việc phạm tội xảy ra S đã bán lại xe này cho ông Mai Văn D tại cửa hàng xe máy A với giá 10.000.000 đồng, S đã tiêu xài hết. Việc mua bán giữa ông D và bị cáo thì ông D không biết xe này là phương tiện bị cáo S sử dụng vào việc phạm tội. Cùng ngày, ông D bán lại xe máy cho ông Trịnh Duy T; nơi cư trú: Xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa với giá 12.000.000 đồng. Hiện nay, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của ông T nên không thu giữ được xe mô tô trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Công S phạm tội Cướp giật tài sản.

Xử phạt bị cáo Bùi Công S 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Bùi Công S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA thành phố Thuận An;
- CQCSĐT Công an thành phố Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Thuận An;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu